

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỸ TÚ
TỈNH SÓC TRĂNG**

Bản án số: 09/2018/DS-ST

Ngày: 22/5/2018.

“V/v Tranh chấp hợp đồng đầu tư
trồng và mua bán mía nguyên liệu”.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ TÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Kiều Oanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Lâm.
2. Bà Sơn Thị Vành Đa.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Yên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Triệu Thị Mộng Lý - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 5 năm 2018 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 15/2018/TLST-DS ngày 02 tháng 02 năm 2018 về “Tranh chấp hợp đồng đầu tư trồng và mua bán mía nguyên liệu” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2018/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 4 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Mía đường C.

- Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Võ Văn T (có mặt)

Cùng địa chỉ: Khu , phường Thuận A, thị xã Long M, tỉnh Hậu G (Theo văn bản ủy quyền ngày 15/1/2018).

2. Bị đơn: Ông Trần Văn N (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp Mỹ N, xã Mỹ T, huyện Mỹ T, tỉnh Sóc T.

Đăng ký thường trú: ấp Tam S, xã Mỹ Th, huyện Mỹ T, tỉnh Sóc T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 02 tháng 01 năm 2018 nguyên đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Mía đường C trình bày:

Niên vụ mía 2015 - 2016, ông Trần Văn N có ký hợp đồng đầu tư trồng và mua bán mía nguyên liệu với công ty TNHH Mía đường C, diện tích 04ha mía, vùng mía ấp Mỹ N, sản lượng ký hợp đồng là 400 tấn, hạn trả nợ cuối cùng là ngày 30 tháng 11 năm 2015.

Để thực hiện hợp đồng ngày 12 tháng 8 năm 2015, Công ty đã chi tiền đầu tư cho ông Trần Văn N là 10.000.000 đồng. Trong vụ mía 2015 – 2016, ông N không bán mía cho Công ty theo hợp đồng đã ký kết mà bán mía cho thương lái, đồng thời không trả nợ cho Công ty. Đến nay đã quá hạn trả nợ nhưng ông N vẫn không thực hiện việc trả nợ cho Công ty, mặc dù Công ty đã nhiều lần làm việc với ông N.

Công ty TNHH Mía đường C khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Trần Văn N phải trả số tiền còn nợ: Tiền nợ gốc: 10.000.000 đồng và tiền lãi suất 01%/tháng, tính từ ngày 12/8/2015 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Đối với bị đơn ông Trần Văn N: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, nhưng bị đơn không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án cũng đã triệu tập hợp lệ bị đơn lần thứ hai để tham gia tố tụng tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải bị đơn vắng mặt. Vì vậy, Tòa án đã lập biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; biên bản không tiến hành hòa giải được và thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ để đưa vụ án ra xét xử.

Bị đơn ông Trần Văn N đã được triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu bị đơn ông Trần Văn N trả cho nguyên đơn số tiền vốn đầu tư là 10.000.000 đồng và trả tiền lãi từ ngày 12/8/2015 đến ngày xét xử sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

- Về tố tụng: Việc Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo

quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn tại phiên tòa hôm nay đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của pháp luật. Riêng bị đơn ông Trần Văn N chưa chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền 10.000.000 đồng và lãi theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Tòa án triệu tập hợp lệ bị đơn ông Trần Văn N đến lần thứ hai để tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm, nhưng ông N vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Trần Văn N.

[2] Về nội dung:

Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy của nguyên đơn xin thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bị đơn trả số tiền vốn đầu tư là 10.000.000 đồng và trả tiền lãi từ ngày 12/8/2015 đến ngày xét xử sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện này của người đại diện không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện. Căn cứ khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử chấp nhận sự thay đổi này của nguyên đơn.

[3] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Hội đồng xét xử nhận thấy, theo đơn khởi kiện của nguyên đơn thì giữa nguyên đơn và bị đơn có ký hợp đồng đầu tư trồng và mua bán mía nguyên liệu. Sau khi ký hợp đồng, nguyên đơn đã đầu tư cho bị đơn trồng mía, nhưng đến khi thu hoạch thì bị đơn không bán mía cho nguyên đơn, mà bán mía cho thương lái và không trả lại tiền vốn đầu tư. Nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả lại tiền vốn đầu tư và lãi theo quy định của pháp luật. Như vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp hợp đồng đầu tư trồng và mua bán mía nguyên liệu, chứ không phải tranh chấp hợp đồng mua bán

tài sản như Tòa án xác định khi thụ lý vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử xác định lại quan hệ pháp luật tranh chấp cho phù hợp với nội dung tranh chấp.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Mía đường C, về việc yêu cầu ông N trả lại số tiền vốn đầu tư trồng mía 10.000.000 đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy: Theo hợp đồng đầu tư trồng và mua bán mía nguyên liệu mà hai bên đã ký, nhưng ông N không bán mía cho nguyên đơn mà bán mía cho thương lái. Tại Điều 2 của hợp đồng có nêu một trong những trách nhiệm của bên B là ông N, đó là hoàn trả đầy đủ vốn đầu tư gốc và lãi cho bên A là nguyên đơn theo thời gian cam kết. Tại Điều 1 của hợp đồng ông N phải hoàn trả vốn cho nguyên đơn hạn cuối là ngày 30 tháng 11 năm 2015. Tuy nhiên, đến thời hạn trên, ông N không thực hiện bán mía cho nguyên đơn nhưng ông N cũng không hoàn trả tiền vốn đầu tư trồng mía cho nguyên đơn.

Theo Điều 290 Bộ luật dân sự năm 2005 quy định: *“1. Nghĩa vụ trả tiền phải được thực hiện đầy đủ, đúng thời hạn, đúng địa điểm và phương thức đã thỏa thuận. 2. Nghĩa vụ trả tiền bao gồm cả tiền lãi trên nợ gốc, trừ trường hợp có thỏa thuận khác”*. Như vậy, ông N phải có nghĩa vụ trả lại số tiền vốn đầu tư trồng mía cho nguyên đơn.

[5] Xét yêu cầu tính lãi của nguyên đơn về việc yêu cầu ông N phải trả tiền lãi. Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại khoản 2 Điều 305 Bộ luật dân sự năm 2005 quy định: *“Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán”* tại phiên tòa người đại diện chỉ yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật và yêu cầu này là hoàn toàn phù hợp với các quy định nêu trên.

Về thời gian tính lãi được tính đến ngày xét xử sơ thẩm, số tiền lãi mà bị đơn còn thiếu nguyên đơn. Từ ngày 12/8/2015 đến ngày 22/5/2018 theo khoản 2 Điều 305 Bộ luật dân sự 2005 tính lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố là 9%/năm : 12 = 0,75%/tháng, cụ thể là:

Số tiền 10.000.000 đồng x 0,75%/tháng x 33 tháng 10 ngày (từ ngày 12/8/2015 đến ngày 22/05/2018) = 2.500.000 đồng.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cần buộc bị đơn ông N phải có trách nhiệm trả số tiền vốn đầu tư trồng mía và lãi cho nguyên đơn.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; bị đơn ông Trần Văn N phải chịu là 625.000 đồng.

Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 244; khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 290 và Điều 305 Bộ luật dân sự năm 2005. Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Mía đường C.

Buộc bị đơn ông Trần Văn N có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền 12.500.000 đồng (trong đó tiền vốn đầu tư là 10.000.000 đồng, tiền lãi là 2.500.000 đồng).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng bị đơn còn phải trả lãi cho nguyên đơn theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 đối với số tiền vốn đầu tư chậm thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn ông N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 625.000 đồng;

- Nguyên đơn không phải chịu án phí sơ thẩm, nguyên đơn được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai số 0007379 ngày 29/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn ông N thì thời hạn kháng cáo nêu trên được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại Ủy ban nhân dân nơi cư trú, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Mỹ Tú;
- Chi cục THADS huyện Mỹ Tú;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Đào Thị Kiều Oanh